TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 57/2019/HS-ST Ngày 28-11-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Vượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Hoa

2. Ông Trần Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Lai Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56 /2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Kiều Văn D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1971, tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Khu 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Bố đẻ: Kiều Văn Xuyên (đã chết); Mẹ đẻ: Kiều Thị Vẹo (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 anh, chị em; bị cáo là con thứ tám; Vợ: Đỗ Thị Bảo, sinh năm 1972; hiện trú tại khu 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ hồi 18 giờ 20 phút ngày 11/9/2019 đến 18 giờ 20 phút ngày 20/9/2019 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu(có mặt).

* *Những người làm chứng*: 1. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Bản Cẩm Trung 2, xã Mường Than, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

2. Nùng Văn N, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

3. Hà Văn H, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 11/9/2019, tại khu 10 thị trấn T huyện T tỉnh Lai Châu, Công an huyện T bắt quả tang đối với Kiều Văn D (SN: 1971, trú tại khu 10, thị trấn T, T); Nguyễn Văn T (SN: 1991, trú tại bản Cẩm Trung 2, xã Mường Than, T); Nùng Văn N (SN: 1995); Hà Văn H (SN: 1993) đều trú tại bản N, xã N, T về hành vi đánh bạc, dưới hình thức chơi số lô, số đề được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Vật chứng thu giữ của Kiều Văn D gồm: Số tiền 7.085.000 đồng, 01 quyển vở ô ly ghi các số lô, số đề ngày 11/9/2019 và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; thu giữ của Nguyễn Văn T, Nùng Văn N, Hà Văn H 03 mảnh giấy ghi các số lô, số đề ngày 11/9/2019.

Quá trình điều tra, Kiều Văn D khai nhận: D làm nghề tự do kinh doanh hàng tạp hóa tại khu 10 thị trấn T huyện T. Quá trình kinh doanh, D nhận thấy có thể ghi số lô, số đề tại nơi bán hàng để thu lợi. Đầu tháng 8/2019, D bắt đầu ghi số lô, số đề cho người chơi; D là người ghi số lô lô, số đề, đồng thời là chủ lô, đề. Với mỗi điểm lô, người chơi phải trả cho D số tiền 23.000 đồng/01 điểm; đối với tiền đề, người chơi phải trả cho D theo số tiền đặt cược thực tế. Chiều ngày 11/9/2019, D đang ngồi bán hàng ở khu 10 thị trấn T huyện T thì có Nguyễn Văn T đến hỏi ghi số lô 89 (50 điểm), số đề 15 (200.000 đồng), tương ứng tổng số tiền là 1.350.000 đồng. D đồng ý, ghi xác nhận vào 01 quyển vở ô ly và 01 mảnh giấy. D đưa mảnh giấy cho T và lấy số tiền chơi lô, đề của T là 1.350.000 đồng. Ngay sau đó có Nùng Văn N, Hà Văn H cùng đến hỏi D ghi lô, đề. N ghi các số lô 43 (50 điểm), 03 (100 điểm), 34 (30 điểm), các số đề 43 (45.000 đồng), 03 (200.000 đồng), tương ứng tổng số tiền là 4.385.000 đồng. H ghi các số lô 17 (20 điểm), 27 (30 điểm), số đề 03 (200.000 đồng), tương ứng tổng số tiền là 1.350.000 đồng. D đồng ý nhận ghi số lô, số đề của N, H. D ghi các số lô, số đề vào quyển vở ô ly và 02 mảnh giấy, D đưa cho N, H mỗi người 01 mảnh giấy. Sau đó, D lấy số tiền chơi lô, đề của N là 4.385.000 đồng; lấy số tiền chơi lô, đề của H là 1.350.000 đồng. Hồi 17 giờ 30 phút ngày 11/9/2019, khi Kiều Văn D đang ghi số lô, số đề cho Nguyễn Văn T, Nùng Văn N, Hà Văn H với tổng số tiền 7.085.000 đồng thì bị Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Kiều Văn D còn khai nhận: Trong chiều ngày 11/9/2019, trước khi bị bắt quả tang D còn ghi số lô, số đề cho những người chơi khác nhưng không biết rõ lai lịch với tổng số tiền là 2.731.000 đồng. Sau khi bị bắt quả tang, D

tự giao nộp số tiền ghi lô, đề là 2.731.000 đồng và giao nộp số tiền bán hàng là 3.609.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Về hình thức đánh bạc, Kiều Văn D thỏa T với những người chơi số lô, số đề như sau:

- Đối với hình thức đánh đề hai số: Tỉ lệ là 1 ăn 70 (tức: 1.000 đồng thắng trúng đề 70.000 đồng), người chơi có thể đánh một số đề hoặc nhiều số đề, mỗi số đề gồm hai số bất kỳ kèm theo số tiền muốn đánh, sau đó đối chiếu nếu trùng với hai số cuối cùng của giải đặc biệt kết quả xổ số Miền Bắc ngày hôm đó là trúng đề và nhận tiền theo tỉ lệ đã thỏa T.

- Đối với hình thức đánh lô: Tỷ lệ là 1 điểm lô thắng được 80.000 đồng, người chơi có thể đánh một lô gồm hai số bất kỳ kèm theo số điểm muốn đánh. Mỗi điểm lô người chơi phải trả là 23.000 đồng/01 điểm. Sau đó đối chiếu với hai số cuối cùng của 27 giải kết quả xổ số Miền Bắc ngày hôm đó, nếu số đánh trùng khớp với hai số cuối cùng của 27 giải thì là trúng lô và nhận tiền theo tỷ lệ thỏa T. Nếu số lô mà người chơi đánh xuất hiện nhiều lần tại nhiều giải thì người chơi sẽ được nhận số tiền thắng theo cấp số nhân tương ứng với số lần xuất hiện.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền thu giữ khi bắt quả tang và số tiền do Kiều Văn D tự nguyện giao nộp, tại Kết luận giám định số 430 ngày 01/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *Số tiền 7.085.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và số tiền 2.731.000 đồng Kiều Văn D ghi số lô, số đề được trong ngày 11/9/2019 trước khi bắt quả tang gửi đến giám định đều là tiền thật.*

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung tạm giữ của Kiều Văn D, D khai không sử dụng vào việc liên lạc để ghi số lô, số đề. Đối với số tiền 3.609.000 đồng là tài sản hợp pháp của Kiều Văn D, không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, ngày 31/10/2019 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản trên cho Kiều Văn D là có căn cứ, đúng quy định.

- Vật chứng của vụ án gồm: Tổng số tiền 9.816.000 đồng, 01 quyển vở ô ly ghi các số lô, số đề thu giữ của Kiều Văn D; 03 mảnh giấy ghi các số lô, số đề thu giữ của Nguyễn Văn T, Nùng Văn N, Hà Văn H, hiện đang lưu giữ tại Kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo : Kiều Văn D về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS 2015

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ N quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật và tuyên phạt bị cáo cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 BLHS ; đề nghị Xử phạt Kiều Văn D từ 20 triệu đến 25 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với tổng số tiền 9.816.000 đồng; đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 quyển vở ô ly ghi các số lô, số đề thu giữ của Kiều Văn D; 03 mảnh giấy ghi các số lô, số đề thu giữ của Nguyễn Văn T, Nùng Văn N, Hà Văn H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm và nhất trí với bản cáo trạng và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 11/9/2019, tại khu 10 thị trấn T huyện T tỉnh Lai Châu, Kiều Văn D đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề cho Nguyễn Văn T (số tiền 1.350.000 đồng), Nùng Văn N (số tiền 4.385.000 đồng), Hà Văn H (số tiền 1.350.000 đồng). Tổng số tiền Kiều Văn D dùng vào mục đích đánh bạc là 7.085.000 đồng thì bị Công an huyện T bắt quả tang. Vật chứng thu giữ là số tiền 7.085.000 đồng; 01 quyển vở ô ly ghi các số lô, số đề; 03 mảnh giấy ghi các số lô, đề. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ số tiền 2.731.000 đồng do Kiều Văn D giao nộp (là tiền D ghi lô, đề cho những người không rõ lai lịch trước khi bắt quả tang). Bị cáo Kiều Văn D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Kiều Văn D phạm tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

[3] Tính chất nguy hiểm cho xã hội của vụ án, nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1. Tính chất nguy hiểm cho xã hội của vụ án:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được mọi hành vi liên quan đến đánh bạc là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi đánh bạc, dưới hình thức ghi số lô, số đề. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến việc quản lý trật tự công cộng là một trong những khách thể quan trọng được pháp luật bảo vệ. Chính hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của gia đình và xã hội, cũng từ hành vi "đánh bạc" dẫn đến việc sa sút kinh tế của rất nhiều gia đình và là N nhân dẫn đến việc tan vỡ hạnh phúc gia đình và là N nhân phát sinh nhiều tội phạm khác, vì vậy bị cáo phải chịu một hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của mình để răn đe giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm.

2. Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Kiều Văn D là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là lần phạm tội đầu tiên và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ i, s khoản 1 điều 51- BLHS 2015. Bị cáo có anh trai ruột là người có công với cách mạng, Hội đồng xét xử coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 điều 51- BLHS 2015.

Từ những phân tích và đánh giá về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, hội đồng xét xử xét thấy, hành vi mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, khung hình phạt tiền được quy định là hình phạt chính trong tội danh do vậy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Kiều Văn D. Hội đồng xét xử đã quyết định hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo là phạt tiền, thông qua hình phạt tiền cũng đủ để giáo dục bị cáo cải tạo và tu dưỡng rèn luyện bản thân thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Kiều Văn D khai nhận còn ghi số lô, số đề cho những người khác nhưng không rõ lai lịch và ghi số lô, số đề vào những ngày khác trước khi bị bắt. Ngoài lời khai của D, quá trình điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh. Do vậy, chưa đủ căn cứ để kết luận về các lần đánh bạc này của Kiều Văn D.

Đối với Nguyễn Văn T, Nùng Văn N, Hà Văn H có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi số lô, số đề. Quá trình điều tra, truy tố xác định T, N, H chưa có tiền án, tiền sự, hành vi của N, H chưa đủ số tiền đánh bạc để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS. Do vậy, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn T, Nùng Văn N, Hà Văn H là đúng quy định.

Đối với Đỗ Thị Bảo là vợ của Kiều Văn D, quá trình điều tra xác định Bảo không biết việc Kiều Văn D đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: Hồng đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo do vậy căn cứ điểm e khoản 2 điều 32 – Bộ luật hình sự không áp dụng phạt bổ sung đối vói bị cáo

[4] Xử lý vật chứng, án phí;Tổng số tiền 9.816.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 quyển vở ô ly ghi các số lô, số đề; 03 mảnh giấy ghi các số lô, đề xét thấy không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321 điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35- BLHS năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Kiều Văn D phạm tội "Đánh bạc" Xử phạt Kiều Văn D 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.816.000 đồng(trong đó có 7.085.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và 2.731.000 đồng do Kiều Văn D tự nguyện giao nộp)

Tuyên tịch thu tiêu hủy: gồm có

- 01 quyển vở ô ly ghi các số lô, số đề thu của Kiều Văn D

- 01 bì niêm phong, bên trong chứa đựng 01 mảnh giấy ghi các số lô, số đề của Nguyễn Văn T

- 01 bì niêm phong, bên trong chứa đựng 01 mảnh giấy ghi các số lô, số đề

của Nùng Văn N

- 01 bì niêm phong, bên trong chứa đựng 01 mảnh giấy ghi các số lô, số đề của Hà Văn H*(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 11 năm 2019)*

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T
- VKS tỉnh Lai Châu
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyệnT
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện T;
- Chi cục THADS T
- Sở tư pháp tỉnh Lai châu
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Thị Vượng